

PHỤ LỤC SỐ 4: DẠNG CÂU HỎI LIÊN QUAN ĐẾN ĐẠI TỪ

I. TỔNG QUAN

- Đây là dạng bài liên quan đến đại từ, câu trả xuất hiện thường là: 3 đại từ/ 1 tính từ sở hữu (me, myself, I, my/ you/yours/yourself/your...), và đề nào thì cũng có từ 1 đến 2 câu, cực kỳ dễ ăn điểm.
- Để làm tốt được dạng này, chúng ta cần hiểu rõ được chức năng và đặc điểm của từng thành một.
- Đại từ bao gồm: đại từ nhân xưng chủ từ (subject pronoun), đại từ nhân xưng chủ thể (object pronoun), đại từ sở hữu (possessive pronoun), đại từ phản thân (reflective pronoun).
- Tính từ bao gồm: tính từ sở hữu (possessive adjective).
- Bên dưới là bảng chuyển đổi giữa chúng.

Subject Pronoun (S.P)	Object Pronoun (O.P)	Possessive Pronoun	Reflective Pronoun	Possessive Adjective
I	Me	Mine	Myself	My
We	Us	Ours	Ourselves	Our
You	You	Yours	Yourself	Your
They	Their	Theirs	Themselves	Their
He	Him	His	Himself	His
She	Her	Hers	Herself	Her
It	It	Its	Itself	Its

II. CHỨC NĂNG VÀ ĐẶC ĐIỂM (TỪ DỄ ĐẾN KHÓ)

1. **Tính từ sở hữu: chúng chỉ có một chức năng duy nhất là bổ nghĩa cho danh từ theo sau.**

Please send ----- application and portfolio to the human resources department no later than July 31.

(A) your	(B) yourself	(C) you	(D) yours
----------	--------------	---------	-----------

Giải thích: *send* là ngoại động từ, sau khoảng trống là *application*, cần điền tính từ để bổ nghĩa cho danh từ phía sau, đáp án (B) (C) (D) đều là trạng từ --> quất (A)

Dịch: Vui lòng gửi đơn và danh mục đầu tư của bạn tới bộ phận nhân sự không muộn hơn ngày 31 tháng 7.

2. **Đại từ nhân xưng chủ từ: đúng như tên gọi (SUBJECT pronoun), chỉ có thể làm chủ từ trong câu.**

Here at Vanguard Club, ----- help members find quality merchandise at the lowest possible prices.

(A) us	(B) our	(C) we	(D) ourselves
--------	---------	--------	---------------

Giải thích: sau khoảng trống là động từ --> quất (C)

Dịch: Ở Vanguard Club, chúng tôi giúp hội viên tìm ra những món hàng chất lượng ở các mức giá thấp nhất có thể.

3. Đại từ nhân xưng chủ thể: đúng như tên gọi (OBJECT pronoun), chỉ có thể đóng vai trò là tân ngữ trong câu.

Deltran analytics software can help ----- identify issues, predict trends, and improve business.

(A) you

(B) your

(C) yours

(D) yourself

Giải thích: Cấu trúc cần nhớ: help somebody do (identify) something (issues), thiếu somebody nè --> quát (A)

Dịch: Phần mềm phân tích của Deltran có thể giúp bạn xác định vấn đề, dự đoán những xu hướng và cải thiện công việc kinh doanh.

4. Đại từ phản thân

Nếu chủ thể tạo ra hành động và tân ngữ (object) là cũng chỉ một người, thì đại từ phản thân sẽ thay thế cho object.

Example: Lisa often talks to herself while she is working.

(Cô ấy thường nói chuyện với chính mình khi cô ấy đang làm việc.)

Note: chủ thể tạo ra hành động *talks* ở đây là Lisa, nếu thay *herself* = *her* thì tức là Lisa đang nói chuyện với một người khác chứ không phải chính cô ấy.

Đại từ phản thân dùng để nhấn mạnh, chức năng này gần giống với trạng từ, tức là nếu câu đã đầy đủ các thành phần rồi thì điền đại từ phản thân để nhấn mạnh nhé.

Example: The manager **monitor the work schedule herself**

hoặc: the manager **herself monitors the work schedule.**

Note:

1. Đại từ phản thân cũng đứng trước hoặc sau cụm **V + O** chứ không bao giờ chen vào giữa.

2. *By + đại từ phản thân = alone = on one's own.*

Example: She lives by herself = She lives alone = she lives on her own.

3. Nếu trước khoảng trống là *by* thì đáp án **thường là** đại từ phản thân.

1. All paintings displayed at the Golden Art Exhibit were made by the Latin artist Carmen Lopez -----.

(A) her

(B) herself

(C) she

(D) hers

Giải thích: nếu đặt dấu chấm ngay sau *Lopez* thì câu đã đủ nghĩa luôn rồi nè, quát (B) thôi =)))

Câu ban đầu: All paintings which were displayed at the Golden Art Exhibit were made by the Latin artist Carmen Lopez herself.

Dịch: Tất cả những bức tranh cái mà được trưng bày tại triển lãm Golden Art là được vẽ bởi CHÍNH TAY họa sĩ Latin Carmen Lopez.

2. Ms. Durkin asked for volunteers to help ----- with the employee fitness program.

(A) she

(B) her

(C) hers

(D) herself

Giải thích: rất nhiều bạn khi đọc câu này sẽ auto chọn herself. Tuy nhiên, chủ thể tạo hành động trước khoảng trống (*help*) lại không phải là *Ms. Durkin* mà lại *volunteers* --> phải quát (B)

Dịch: Cô Durkin yêu cầu các tình nguyện viên giúp đỡ cô ấy với chương trình fitness cho nhân viên.

5. Đại từ sở hữu

☐ Đại từ sở hữu dùng để thay thế cho cấu trúc: **tính từ + danh từ**.

Example: Your car is a sports car. MINE* is a sedan.

(Xe của bạn là một chiếc xe thể thao. CÁI CỦA TÔI thì là một chiếc sedan.)

* **Mine = my car.**

☐ Đại từ sở hữu có thể là:

1. Chủ từ (subject)

Example: My book is about plants, but HERS is about herbs.

(Quyển sách của tôi là về các loài cây, nhưng (QUYỂN SÁCH) CỦA CÔ ẤY là về các loài thảo mộc.)

2. Tân ngữ (object)

Example: Don't forget to bring your lunch. I'll bring MINE.

(Đừng quên mang bữa trưa của cậu. Tôi sẽ mang (BỮA TRƯA) CỦA TÔI.)

3. Bổ ngữ của chủ từ (complement)

Example: Among the cutest dogs, MINE was the champion.

(Trong số những chú chó đáng yêu nhất, (CHÚ CHÓ) của tôi đã là nhà vô địch.)

1. We are waiting for Anrom to turn in its annual fiscal report before we calculate -----.

(A) ourselves	(B) ours	(C) our	(D) us
---------------	----------	---------	--------

Giải thích: sẽ có rất nhiều bạn khi nhìn thấy *we* và *calculate* thì lập tức chọn *ourselves*. Tuy nhiên, *calculate* là ngoại động từ, đòi hỏi sau nó phải là một object, nếu chọn *ourselves* thì *we calculate ourselves* sẽ được dịch là *chúng ta tính toán chính chúng ta* --> NONSENSE!!!

Đáp án là (B) *ours = our annual fiscal report*.

Dịch: Chúng ta đang đợi Anrom đưa ra báo cáo tài chính thường niên của họ trước khi chúng tôi tính toán (BÁO CÁO TÀI CHÍNH THƯỜNG NIÊN) của chúng tôi.

2. Mr. Braun was shocked when he learned that the most favorable idea was actually -----.

(A) him	(B) his	(C) himself	(D) he
---------	---------	-------------	--------

Giải thích: loại him/himself vì không hợp nghĩa tý nào.

The most favorable idea: ý tưởng được ủng hộ nhất.

Loại tiếp (D) vì nó chỉ có thể làm chủ từ, và không thể đứng cuối câu được!

Dịch: Ông Braun đã rất bất ngờ khi ông ấy biết rằng ý tưởng được ủng hộ nhất thực ra là (Ý TƯỞNG) của ông ấy.

PART 5

- Green Grocer customers should request assistance from staff instead of removing products from the top shelves -----.
(A) themselves
(B) their own
(C) them
(D) their
- Penny Bank guarantees that ----- newly launched online banking services are 100% safe and reliable.
(A) themselves
(B) itself
(C) they
(D) its
- The regional manager will arrive tomorrow so please ensure that all ----- documents are ready.
(A) she
(B) her
(C) hers
(D) herself
- Aaron Park's new book features photographs of homes designed and built by the homeowners -----.
(A) itself
(B) himself
(C) themselves
(D) ourselves
- Assistant managers are largely responsible for the day-to-day operations in ----- departments.
(A) theirs
(B) them
(C) their
(D) they
- Every batch of sauce at Generita's Bistro is processed meticulously by ---- expert chefs.
(A) they
(B) their
(C) them
(D) themselves
- Mr. Baron was forced to search for a new office space ----- because his assistant had already resigned.
(A) him
(B) himself
(C) his
(D) he
- Sacrificing----- interests, Ms. Porter resigned as a curator for the Courtney Gallery to become a fulltime housewife.
(A) she
(B) herself
(C) hers
(D) her own
- Ms. Carpenter will be attending the conference with ----- marketing team
(A) she
(B) her
(C) hers
(D) herself
- Daniel Nishida, the chief supply officer, asked that ----- be given full responsibility for approving all invoices.
(A) he
(B) him
(C) his
(D) himsel
- If ----- are not satisfied with an item, return it for a full refund within 30 days of purchase.
(A) you
(B) your
(C) yours
(D) yourself
- Please contact the product distributor, not the retail store, if ----- need replacement parts.
(A) your
(B) you
(C) yourself
(D) yours

13. At the Svelte Health Club, all patrons should have ----- body fat percentage measured before they embark on an exercise regimen.

- (A) their
- (B) them
- (C) theirs
- (D) they

14. Famous people sometimes make good use of ----- celebrity status by launching their own product lines.

- (A) they
- (B) them
- (C) themselves
- (D) their

15. Kespi Brand cookies, delicious by -----, are even better when paired with a glass of milk.

- (A) they
- (B) themselves
- (C) their
- (D) theirs

16. Bryant Cosmetics' marketing team developed a promotional campaign by ----- rather than outsourcing the work.

- (A) theirs
- (B) them
- (C) themselves
- (D) they

17. It is the company's policy that the director ----- must abstain from any political involvement in carrying out his responsibilities.

- (A) him
- (B) his
- (C) himself
- (D) he

18. The finance department would like to announce the addition of Jake Pasternak to ----- team of accountants.

- (A) its
- (B) it
- (C) his
- (D) him

19. Emily introduced ----- before starting the interview for the management job.

- (A) she
- (B) herself
- (C) hers
- (D) he

20. Mr. Chen was surprised by the promotion because ----- had not imagined that it could happen this year.

- (A) his
- (B) himself
- (C) he
- (D) hi